

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BANG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Hiệu trưởng/ Giám đốc)

Tên chương trình: **QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH và LỮ HÀNH**
TRAVEL and TOURISM SERVICES MANAGEMENT

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Khoa : **Kinh tế Quản trị**

Bộ môn: **Du Lịch**

Ngành đào tạo: **Quản trị Dịch vụ du lịch & Lữ hành**

Mã số: **78 101 03**

Tên gọi của văn bằng: **Cử nhân**

TP HCM, ngày...tháng...năm 20...

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ngàytháng năm của

Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Tên chương trình: **QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH và LỮ HÀNH
TRAVEL and TOURISM SERVICES
MANAGEMENT**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: Quản trị Dịch vụ du lịch & Lữ hành

Mã số: **78 101 03**

Tên gọi của văn bằng: Cử nhân

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên Cử nhân Quản trị Dịch vụ du lịch & Lữ hành, có phẩm chất đạo đức, có ý thức phục vụ, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam, có sức khỏe tốt nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, thích nghi nhanh chóng với môi trường làm việc năng động và có khả năng hội nhập khu vực cũng như quốc tế. CTĐT cung cấp kiến thức ngành, kiến thức nền tảng rộng và kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu, cùng với việc rèn luyện kỹ năng, giáo dục ý thức và thái độ với nghề nghiệp hướng đến trở thành một người quản lý có trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh Dịch vụ du lịch & Lữ hành. Ngoài ra, chương trình cũng cung cấp những trải nghiệm thực tế phù hợp với công việc hướng dẫn du lịch, thiết kế - điều hành và kinh doanh Dịch vụ Du lịch & Lữ hành, là cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình công tác.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên ngành Quản trị Dịch vụ du lịch & Lữ hành sau khi tốt nghiệp phải có:

- Kiến thức:

PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

PO2: Có kiến thức về cơ sở về kinh tế, quản trị và nghiệp vụ chuyên ngành dịch vụ du lịch và lữ hành

- *Kỹ năng:*

PO3: Có kỹ năng quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ hướng dẫn, lữ hành trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

PO4: Có các kỹ năng mềm để có thể hội nhập quốc tế, ứng xử, giải quyết các tình huống trong công việc và cuộc sống.

- *Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

PO5: Có trách nhiệm với nghề nghiệp; có ý thức phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển du lịch bền vững; có khả năng tự học và nâng cao trình độ.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

2.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng tư tưởng Triết học Mác-Lê nin làm nền tảng kết hợp với kiến thức về Chính trị – Xã hội – Văn hóa – An ninh quốc phòng – Pháp luật để hình thành nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống và công việc.

PLO2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về Kinh tế học – Quản trị – Marketing - Chiến lược – Nhân sự vào trong môi trường công việc thông qua các quyết định quản trị để xây dựng hình ảnh một nhà quản trị có hiệu quả.

PLO3: Vận dụng những kiến thức về lịch sử, địa lý, văn hóa, di sản, tuyến điểm du lịch, giao tiếp để tác nghiệp nhằm giúp khách du lịch hướng đến cân bằng Bản thân – Môi trường – Công việc.

PLO4: Vận dụng những kiến thức về Quản trị chất lượng dịch vụ; Kinh doanh du lịch-lữ hành; Quản trị tài chính; phân tích các rủi ro, đánh giá các tình huống kinh doanh dịch vụ du lịch-lữ hành giúp cho tổ chức phát triển bền vững và luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc theo đuổi các mục tiêu kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

PLO5: Vận dụng nhuần nhuyễn kỹ năng và nghiệp vụ hướng dẫn trên cơ sở nắm bắt tâm lý và hành vi du khách để tạo dựng hình ảnh một hướng dẫn viên có kiến thức sâu rộng, chuyên nghiệp như một Đại sứ văn hóa để truyền tải những giá trị nhân văn của Quê hương – Đất nước.

PLO6: Ứng dụng thuần thục những kỹ năng về nghiệp vụ lữ hành vào thiết kế, định phí và tính giá tour du lịch; sắp xếp, tổ chức và vận hành một văn phòng/đại lý du lịch/lữ hành.

PLO7. Vận dụng những kỹ năng xây dựng, điều phối các nguồn lực để triển khai và đánh giá các kế hoạch kinh doanh một cách hiệu quả, đồng thời dự báo các rủi ro trong kinh doanh để có phương án xử lý phù hợp.

PLO8. Vận dụng những kỹ năng giao tiếp để truyền tải hiệu quả các thông tin cho đồng nghiệp, khách hàng; giải quyết hiệu quả các tình huống và các vấn đề phát sinh trong công việc, cuộc sống.

PLO9. Ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu để giải quyết hiệu quả và triệt để các vấn đề phát sinh trong môi trường làm việc năng động.

PLO10. Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp và trong quan hệ đối ngoại quốc tế để thấu hiểu, hội nhập các giá trị khác biệt văn hóa, tập quán trên cơ sở gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, hòa bình hữu nghị.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO11. Hình thành thái độ tích cực trong công việc, cuộc sống; xây dựng năng lực học tập suốt đời để hoàn thiện bản thân và hướng đến việc đóng góp, ủng hộ và khuyến khích mọi người tham gia vào việc tạo ra các giá trị/lợi ích cho cộng đồng và xã hội.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 TC

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường.

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	Giáo dục đại cương	21	0
B.	Giáo dục chuyên nghiệp	82	17
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	9	0

	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	13	3
	III. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	56	10
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	4	4
TỔNG		103	17
		120	

Khối kiến thức giáo dục đại cương có 21 tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 99 tín chỉ (82 bắt buộc và 17 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/Các môn thay thế có 4 tín chỉ

7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 17.5% số TC CTĐT													
I	Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh													
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3	0	3		45	0	90				I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác Lê- Lê nin	2	2	0	2		30	0	60				II
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30	0	60				II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30	0	60				III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30	0	60				III
II	Pháp luật													
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2		2		30	0	60				II

7	00008	Tin học đại cương	2	2		2		30	0	60				III
III		Ngoại ngữ												
8	GE1017	Anh văn I	3	3		3		45	0	90				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3		3		45	0	90				II
IV		Giáo dục thể chất												
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3*		15	60					
IV		Giáo dục quốc phòng - an ninh												
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*		75	0	150				
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*		0	90					
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 99 TC (Bắt buộc: 82 TC; Tự chọn: 17 TC), chiếm 82.5% số TC CTĐT													
I	Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 09 TC (Bắt buộc: 09 TC; Tự chọn: 00 TC), chiếm 7.5% số TC CTĐT													
13	TM2006	Kinh tế du lịch	3	3	0	3		45	0	90				II
14	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3		45	0	90				I
15	TM2008	Marketing du lịch	3	3	0	3		45	0	90				IV
II		Khối kiến thức cơ sở ngành: 16 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 03 TC), chiếm 13.3% số TC CTĐT												
16	TM2009	Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch	3	3	0	3		45	0	90				I
17	TM2010	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	3		45	0	90				III
18	TM2001	Lịch sử Việt Nam	3	3	0	3		45	0	90				II
19	TM2002	Pháp luật trong du lịch – Lễ hành	2	2	0	2		30	0	60		6		III
20	TM3010	Đào tạo định hướng ngành dịch vụ du lịch và lễ hành	2	1	1	2		15	30	60				I
21	TM2004	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	3	3	0		3	45	0	90				III
22	TM3008	Hành vi khách du lịch	3	3	0			45	0	90				III
III		Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 66 TC (Bắt buộc: 56 TC; Tự chọn: 10 TC), chiếm 55% số TC CTĐT												
23	TM3002	Địa lý Du lịch Việt Nam	3	3	0	3		45	0	90				III
24	TM3016	Tiếng Anh du lịch 1	3	3	0	3		45	0	90				V
25	TM3017	Tiếng Anh du lịch 2	4	4	0	4		60	0	120		24		VI

26	TM3018	Di sản và quản lý di sản tại Việt Nam	3	3	0	3		45	0	90		17		IV
27	TM3001	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3	0	3		45	0	90		16, 40		IV
28	TM3019	Tuyển điểm du lịch Việt Nam 1	3	3	0	3		45	0	90		17, 18, 23		IV
29	TM3020	Tuyển điểm du lịch Việt Nam 2	2	2	0	2		30	0	60		28		V
30	HM2011	Quản trị Du lịch MICE	3	3	0	3		45	0	90		15		V
31	TM3031	Quản trị rủi ro trong du lịch	3	3	0		3	45	0	90		14		VII
32	TM3021	Quản trị điểm đến	3	3	0			45	0	90		14		VII
33	HM2007	Quản trị nhân sự trong du lịch	3	3	0	3		45	0	90		14		VII
34	TM3004	Nghiệp vụ lễ hành	2	2	0	2		30	0	60		27		VI
35	TM3022	Kinh doanh du lịch và lễ hành	3	3	0	3		45	0	90		13, 15		VI
36	TM3003	Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch	3	3	0	3		45	0	90		14		V
37	HM3021	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch	3	3	0	3		45	0	90		14		VII
38	HM2008	Đổi mới và Khởi nghiệp	3	3	0		3	45	0	90		14		VI
39	HM2006	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch	3	3	0			45	0	90		14		VI
40	HM3030	Kỹ năng thuyết trình	2	2	0	2		30	0	60				I
41	HM3033	Kỹ năng đàm phán	2	2	0	2		30	0	60				V
42	TM3025	Kỹ năng hoạt náo và Teambuilding	2	2	0	2		30	0	60				IV
43	HM3036	Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm	2	2	0		2	30	0	60				IV
44	HM3032	Kỹ năng quản lý thời gian	2	2	0			30	0	60				IV
45	HM3031	Kỹ năng tư duy phản biện	2	2	0		2	30		60				VII
46	HM3037	Lễ tân ngoại giao	2	2	0			30		60				VII
47	TM3013	Tour thực tập 1 – Miền Tây	3	0	3	3			135	90		27, 28		V
48	TM3014	Tour thực tập 2 – Di sản văn hóa miền Trung và Tây Nguyên	3	0	3	3			135	90		26		VI

49	TM3015	Tour thực tập 3 – Miền Bắc	3	0	3	3		135	90		29		VII
50	TM3033	Quản trị du lịch outbound	3	3	0			45	0	90	14, 19		VII
IV	Khởi kiến thức cuối khóa (thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đề án tốt nghiệp/các học phần thay thế): 8 TC (Bắt buộc: 4TC; Tự chọn: 4 TC), chiếm 6.7% số TC CTĐT												
51	TM3011	Internship	4	0	4	4	0	180	120		27, 34		VIII
52	TM3029	Khóa luận tốt nghiệp	4	0	4	0	4	120	120				VIII
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
53	TM3030	Đề án kinh doanh	4	0	4	0		120	120				VIII
54	TM3009	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0	0	4	30	0	60	14		VIII
55	TM3005	Chăm sóc và quản lý dịch vụ khách hàng	2	2	0	0		30	0	60	16		VIII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 120 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 18 TC)													

8. Tổ chức thực hiện

8.1 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
Học kỳ I: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5*	0	5*		75	
2	05068	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3		45	
3	GE1017	Ảnh văn I	3	3	0	3		45	
4	TM3010	Đào tạo định hướng ngành dịch vụ du lịch và lữ hành	2	1	1	2		15	30
5	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3		45	
6	TM2009	Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch	3	3	0	3		45	
7	HM3030	Kỹ năng thuyết trình	2	2	0	2		30	
Học kỳ II: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3*		15	60

2	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*			90
3	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2		30	
4	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30	
5	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3		45	
6	TM2006	Kinh tế du lịch	3	3	0	3		45	
7	TM2008	Marketing du lịch	3	3	0	3		45	
8	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2		30	
Học kỳ III: 17 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 03 TC)									
1	00008	Tin học Đại cương	2	2	0	2		30	
2	05071	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30	
3	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30	
4	TM2002	Pháp luật trong du lịch – Lữ hành	2	2	0	2		30	
5	TM2010	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	3		45	
6	TM3002	Địa lý du lịch Việt Nam	3	3	0	3		45	
7a	TM2004	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	3	3	0		3	45	
7b	TM3008	Hành vi khách du lịch	3	3	0			45	
Học kỳ IV: 16 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 2 TC)									
1	TM2001	Lịch sử Việt Nam	3	3	0	3		45	
2	TM3001	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3	0	3		45	
3	TM3019	Tuyển điểm du lịch Việt Nam 1	3	3	0	3		45	
4	TM3018	Di sản và quản lý di sản tại Việt Nam	3	3	0	3		45	
5	TM3025	Kỹ năng hoạt náo và Teambuilding	2	2	0	2		30	
6a	HM3032	Kỹ năng quản lý thời gian	2	2	0		2	30	
6b	HM3036	Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm	2	2	0			30	
Học kỳ V: 16 TC (Bắt buộc: 16 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	HM2011	Quản trị Du lịch MICE	3	3	0	3		45	
2	TM3020	Tuyển điểm du lịch Việt Nam 2	2	2	0	2		30	
3	HM3033	Kỹ năng đàm phán	2	2	0	2		30	

4	TM3016	Tiếng Anh du lịch 1	3	3	0	3		45	
5	TM3003	Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch	3	3	0	3		45	
6	TM3013	Tour thực tập 1 - Miền Tây	3	0	3	3		0	135
Học kỳ VI: 15 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 3 TC)									
1	TM3017	Tiếng Anh du lịch 2	4	4	0	4		60	
2	TM3004	Nghiệp vụ lễ hành	2	2	0	2		30	
3	TM3022	Kinh doanh du lịch và lễ hành	3	3	0	3		45	
4	TM3014	Tour thực tập 2 - Di sản văn hóa miền Trung và Tây Nguyên	3	0	3	3		0	135
5a	HM2006	Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch.	3	3	0	0	3	45	
5b	HM2008	Đổi mới và Khởi nghiệp	3	3	0	0		45	
Học kỳ VII: 17 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 05 TC)									
1	HM3021	Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch	3	3	0	3		45	
2	HM2007	Quản trị nhân sự trong du lịch	3	3	0	3		45	
3	TM3033	Quản trị du lịch outbound	3	3	0	3		45	
4	TM3015	Tour thực tập 3 - Miền Bắc	3	0	3	3		0	135
5a	TM3021	Quản trị điểm đến	3	3	0	0	3	45	
5b	TM3031	Quản trị rủi ro trong du lịch	3	3	0	0		45	
6a	HM3031	Kỹ năng tư duy phản biện	2	2	0	0	2	30	
6b	HM3037	Lễ tân ngoại giao	2	2	0	0		30	
Học kỳ VIII: 8 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 4 TC)									
1	TM3011	Internship	4	0	4	4	0	0	180
2	TM3029	Khóa luận tốt nghiệp	4	0	4	0	4	0	120
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>									
3	TM3030	Đề án kinh doanh	4	0	4	0	4	0	120
4.1	TM3009	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0	0	2	30	
4.2	TM3005	Chăm sóc và quản lý dịch vụ khách hàng	2	2	0	0	2	30	

8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.2.1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải tự đăng ký học phần (trừ học kỳ 1 đối với sinh viên năm nhất) dựa trên dự kiến phân bổ học phần cho từng năm học.

8.2.2. Kiểm tra và đánh giá kết quả học phần

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm quyết định số 233/QĐ-HIU ngày 01 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Tổ chức thi kết thúc học phần sau khi kết thúc chương trình của từng học phần.

8.2.3. Thực tập/ thực tế:

Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ tham gia các chương trình thực tập (theo tour) và thực tập doanh nghiệp, được phân bổ theo học kỳ và đảm bảo các điều kiện về học phần tiên quyết, học phần trước. Cụ thể:

- Tour thực tập 1 – Miền Tây
- Tour thực tập 2 – Di sản văn hóa Miền Trung và Tây Nguyên
- Tour thực tập 3 – Miền Bắc
- Internship: thực tập tại doanh nghiệp các nghiệp vụ: nghiệp vụ hướng dẫn, nghiệp vụ lễ hành được thực hiện vào năm thứ 4.

8.2.4. Khóa luận/Học phần thay thế khóa luận

Sinh viên năm thứ 4 (năm cuối) làm khóa luận/Học phần thay thế khóa luận dựa theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm Quyết định số 233/QĐ-HIU ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

- Khóa luận tốt nghiệp

Điều kiện để sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp:

- + Tích lũy đủ số tín chỉ của CTĐT đến thời điểm xét làm khóa luận tốt nghiệp
- + Điểm trung bình tích lũy đạt loại khá trở lên

- Học phần thay thế khóa luận

Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp hoặc không muốn làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học các học phần thay thế tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp.

9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)

9.1. Triết học Mác – Lênin

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất về chủ nghĩa Mác – Lênin. Hiểu được vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin.

- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
- Biết sử dụng phương pháp tư duy của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử khi nghiên cứu các vấn đề tự nhiên, xã hội và tư duy.
- Liên hệ vận dụng, gắn lý luận với thực tiễn, dự báo xu hướng vận động.
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; Có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm

9.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phân thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Nắm được đối tượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế chính trị học Mác - Lênin; hiểu được vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác; nhận thức một cách sâu sắc kinh tế chính trị học Mác - Lênin là nền tảng chủ yếu để Đảng và Nhà nước xây dựng cương lĩnh, đường lối, phương châm và các chính sách kinh tế.
- Người học hiểu biết thế nào là sản xuất hàng hóa; hàng hóa; tiền tệ; quy luật giá trị; công thức chung của tư bản và mâu thuẫn của nó; sức lao động - hàng hóa đặc biệt; giá trị thặng dư; tư bản bất biến, tư bản khả biến và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong CNTB; quy luật giá trị thặng dư; tích lũy tư bản; tích tụ và tập trung tư bản; lưu thông tư bản: tuần hoàn và chu chuyển; TB cố định và TB lưu động; các hình thái biểu hiện của GTTD: lợi nhuận, lợi tức và địa tô TBCN; CNTB độc quyền: các đặc điểm kinh tế cơ bản; những biểu hiện mới.
- Biết sử dụng phương pháp tư duy của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử khi nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội.
- Sử dụng thường xuyên phương pháp logic kết hợp với lịch sử, các thao tác phân tích, tổng hợp, thống kê, mô hình hóa... khi nghiên cứu các vấn đề kinh tế.
- Liên hệ vận dụng, gắn lý luận với thực tiễn, dự báo xu hướng vận động.
- Có thể giới quan đúng đắn, nắm vững được phương pháp luận khoa học, từ đó nâng cao năng lực quan sát và phân tích vấn đề, xử lý và giải quyết mâu thuẫn trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa...
- Kiên định niềm tin và lòng tin, nhận thức và nhìn nhận đúng đắn đối với học thuyết kinh tế chính trị Mác - Lênin - học thuyết khoa học nhất, đúng đắn nhất trong bối cảnh ngày nay
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học



Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Hiểu được các kiến thức nền tảng về lý thuyết Chủ nghĩa xã hội khoa học Mác - Lênin; hiểu được vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác;
- Hiểu được các kiến thức nền tảng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; hiểu được nội dung về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội;
- Vận dụng những hiểu biết để phản biện lại các tranh luận sai lầm;
- Liên hệ vận dụng, gắn lý luận với thực tiễn, dự báo xu hướng vận động;
- Có kỹ năng làm việc theo nhóm trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề;
- Có thể giới quan đúng đắn, nắm vững được phương pháp luận khoa học, từ đó nâng cao năng lực quan sát và phân tích vấn đề, xử lý và giải quyết mâu thuẫn trong nhận thức về các vấn đề xã hội, nhà nước, v.v...;
- Kiên định niềm tin và lòng tin, nhận thức và nhìn nhận đúng đắn đối với học thuyết Mác - Lênin - học;
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Có tri thức mang tính hệ thống về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945) cho đến nay;
- Hiểu rõ và đánh giá đúng các nội dung chính của lịch sử hình thành và phát triển Đảng;
- Xây dựng nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng;
- Khả năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, phân tích sự kiện, đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng;
- Có phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống;
- Giữ vững niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc, đường lối của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới;
- Nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975, nâng cao niềm tin, vào sự

lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc;

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Trình bày được cơ bản về nội dung học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Phân tích được các nội dung cơ bản trong học phần tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Khẳng định luận điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta
- Nhận thức được kết quả của sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam, nhất là trong sự nghiệp đổi mới hiện nay;
- Liên hệ thực tế giải quyết một số vấn đề liên quan đến môn học;
- Nâng cao lòng tự hào và sự kính trọng đối với Bác Hồ kính yêu;
- hun đúc, giữ gìn tinh thần yêu nước, yêu lao động, đóng góp tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh trong sự phát triển toàn diện đất nước. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh;
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp, có tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động làm việc nhóm.

9.6. Pháp luật đại cương

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Phân tích, hệ thống hóa được kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật chung gồm các vấn đề về: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức nhà nước; Bộ máy nhà nước; Nhà nước pháp quyền; Nguồn gốc, kiểu, hình thức pháp luật; Quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật; Giải thích pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;
- Vận dụng được những kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật vào việc giải thích, đánh giá các hiện tượng nhà nước và pháp luật trên thực tế;
- Thuyết trình được. Có khả năng lập luận, phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề của nhà nước và pháp luật;
- Vận dụng được các kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật để áp dụng vào thực tế đời

sống;

- Biết cách tìm kiếm, tra cứu, lựa chọn tài liệu để thực hiện các nhiệm vụ học tập;
- Biết hợp tác, làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

9.7. Tin học đại cương

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Trình bày được khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin;
- Sử dụng được các công cụ tìm kiếm trên internet;
- Sử dụng được các dịch vụ trên mạng Internet và các tiện ích có liên quan;
- Sử dụng được các ứng dụng tin học văn phòng: word, excel, powerpoint ;
- Biết các thuật ngữ tiếng Anh của môn học. Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh liên quan đến các bài giảng của môn học;

9.8. Anh văn I

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Explain ideas and opinions through using communicative language skills;
- Differentiate receptive skills and productive skills;
- Apply vocabulary knowledge flexibly in communication;
- Identify the meaning of words and phrases in the right context;
- Clarify how to use integrated skills;
- Appraise communicative effectively;
- Plan to communicate and address the problem by focusing on practical communicative skills;
- Evaluate language skills and competencies to carry out communicative activities at the end of each lesson;
- Explain & adjust behaviours related to learning activities and contents of lessons through communication.

9.9. Anh văn II

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, giúp cho người học:

- Explain ideas and opinions through using communicative language skills;
- Differentiate receptive skills and productive skills;
- Apply vocabulary knowledge flexibly in communication;
- Identify the meaning of words and phrases in the right context;
- Clarify how to use integrated skills;
- Appraise communicative effectively;
- Plan to communicate and address the problem by focusing on practical communicative skills.

- Evaluate language skills and competencies to carry out communicative activities at the end of each lesson.
- Explain & adjust behaviours related to learning activities and contents of lessons through communication.

9.10. Giáo dục thể chất (*)

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, nhằm trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tổ chức vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Sau khi học xong học phần này, sinh viên cần biết áp dụng các Kiến thức rèn luyện thân thể để nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng...

9.11. Lý thuyết Giáo dục quốc phòng – An ninh

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, nhằm giới thiệu những vấn đề cơ bản về truyền thống quân đội Nhân dân Việt Nam và nghĩa vụ của người thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng. Người học cần xác định được các kiến thức về đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.12. Thực hành Giáo dục Quốc Phòng An Ninh

Học phần thuộc khối kiến thức đại cương, hướng dẫn người học thực hiện được những thao tác kỹ thuật về: điều lệ đội ngũ, bắn súng AK, ném lựu đạn, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu và rèn luyện được tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường. Người học có thể áp dụng các kiến thức này trong rèn luyện thân thể cũng như bảo vệ quốc gia.

9.13. Kinh tế du lịch:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, giúp cho người học:

- Xác định và phân biệt các khái niệm của du lịch và các đặc điểm của kinh tế học trong các lĩnh vực kinh doanh của ngành du lịch.
- Giải thích và đánh giá các phương pháp đo lường du lịch.
- Tổng hợp và áp dụng các kiến thức liên quan đến kinh tế vĩ mô và vi mô trong du lịch như: nguồn cung và nhu cầu trong du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến cung và cầu du lịch, xu

hướng du lịch cạnh tranh giữa cung, sự tiêu dùng du lịch, sản phẩm du lịch, đầu tư du lịch, tác động kinh tế của du lịch.

- Tranh luận và thẩm định các dự án trong ngành du lịch theo cấp độ vi mô và vĩ mô.
- Vận dụng kỹ năng phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống và ra quyết định chính xác.
- Thực hành các kỹ năng sử dụng các phương pháp định tính và định lượng để phân tích, dự báo và đánh giá xu hướng chung của cung và cầu trong du lịch nhằm đưa ra các chiến lược tốt có thể áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc lãnh vực du lịch.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm nhằm tiếp thu và ứng dụng những kiến thức về kinh tế học trong lãnh vực du lịch ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.

9.14. Quản trị học:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, giúp cho người học:

- Xác định và phân biệt các khái niệm và lý thuyết liên quan đến quản trị nhằm hiểu rõ thêm về quá trình quản trị trong doanh nghiệp theo khía cạnh của các nhà quản trị học.
- Diễn giải và đánh giá thực trạng và các yếu tố trong và ngoài doanh nghiệp.
- Thảo luận và áp dụng quá trình ra quyết định một cách hợp lý trong mọi tình huống.
- Tổng hợp, phân tích, và ứng dụng các nguyên lý của quản trị trong doanh nghiệp bao gồm bốn quá trình/chức năng cơ bản: quá trình hoạch định, quá trình tổ chức, quá trình lãnh đạo và điều khiển, và quá trình kiểm tra.
- Vận dụng kỹ năng phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống và ra quyết định chính xác.
- Thực hành những kỹ năng quan trọng của nhà quản trị trong quá trình quản trị như: lập kế hoạch, tổ chức công việc, lãnh đạo và kiểm soát.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm.

9.15. Marketing du lịch:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành, giúp cho người học:

- Giải thích được các đặc trưng của dịch vụ tác động như thế nào đến cách thức marketing vận hành trong ngành du lịch và khách sạn.
- Nhận diện và phát triển các cơ hội marketing.
- Phát triển các công cụ PR cho điểm đến du lịch.
- Thiết kế và nắm bắt giá trị khách hàng mục tiêu.
- Thiết kế và phát triển mạng lưới chuyển giao và nhận giá trị khách hàng.

- Thực hiện được một nghiên cứu marketing.
- Vận dụng sáng tạo các công cụ chiêu thị hỗn hợp để đánh động thị trường về sản phẩm và dịch vụ của một doanh nghiệp cụ thể.
- Hoàn thiện tư duy tích cực, thái độ chuyên nghiệp và trung thực trong học tập.

9.16. Tâm lý và Giao tiếp trong du lịch:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được bản chất của các hiện tượng tâm lý, các trạng thái và thuộc tính tâm lý, những ảnh hưởng của một số hiện tượng tâm lý xã hội đối với hoạt động du lịch.
- Trình bày được vai trò của giao tiếp và các phương tiện/nghi thức giao tiếp cơ bản.
- Ứng dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn, thích ứng linh hoạt trong môi trường quốc tế và những trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.
- Vận dụng vào nắm bắt tâm lý khách hàng và nhà cung ứng trong hoạt động kinh doanh du lịch – lữ hành, nhằm giao tiếp hiệu quả và đạt được mục đích.
- Quan tâm giá trị đạo đức, có thái độ trách nhiệm, tư duy cầu tiến trong nghề nghiệp, ý thức về nhu cầu học tập suốt đời.

9.17. Cơ sở văn hóa Việt Nam:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được những khái niệm về văn hóa, các đặc trưng cơ bản của văn hóa.
- Nhận biết được văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.
- Làm rõ văn hóa nhận thức về vũ trụ và con người.
- Phân biệt những đặc trưng của văn hóa tổ chức đời sống tập thể bao gồm: Tổ chức nông thôn, tổ chức quốc gia, tổ chức đô thị.
- Trình bày được đặc điểm của tín ngưỡng, phong tục, tập quán, văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ trong đời sống văn hóa của người Việt.
- Xác định các giai đoạn phát triển của văn hóa Việt Nam và tiếp biến văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa, Phương Tây.
- Hiểu rõ văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.
- Ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp.

9.18. Lịch sử Việt Nam:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Báo cáo sơ lược nguồn gốc con người.
- Giải thích quá trình hình thành và phát triển của đất nước Việt Nam.
- Giải thích được lịch sử di tích, truyền thuyết huyền thoại, văn hóa lễ hội và sự kiện xảy ra

trong từng giai đoạn lịch sử.

- Áp dụng được kiến thức lịch sử đã học vào quá trình tác nghiệp thực tiễn.
- Giải thích được các quy luật lịch sử và các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ.
- Thể hiện trách nhiệm trong học tập và giữ gìn tài nguyên của tổ quốc.

9.19. Pháp luật trong du lịch – Lữ hành:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được các khái niệm công cụ trong lĩnh vực du lịch và Luật Du lịch.
- Diễn giải hệ thống quản lý Nhà nước về du lịch.
- Áp dụng các điều luật trong mỗi lĩnh vực kinh doanh du lịch cụ thể: kinh doanh lữ hành, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, phát triển khu du lịch, điểm du lịch và các dịch vụ trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch.
- Ứng dụng các điều luật vào hoạt động hướng dẫn du lịch và khách du lịch, và xử lý đúng các tình huống du lịch theo luật.
- Trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ và chấp hành tốt các quy định của luật, phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân và tổ chức trên cơ sở các quy định của luật pháp.

9.20. Đào tạo định hướng ngành dịch vụ du lịch và lữ hành

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Nhận biết được kiến thức tổng quan về du lịch và những nghề nghiệp tương lai trong ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Trình bày những thành tố tạo nên tour du lịch bao gồm 5 chữ A: Accommodation (cơ sở lưu trú), Accessibility (phương tiện vận chuyển), Attraction (điểm tham quan du lịch), Amenities (sự tiện nghi) và Activities (các hoạt động).
- Thực hiện hướng dẫn HIU tour và khảo sát công ty du lịch lữ hành.
- Chú trọng trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và thái độ học tập nghiêm túc suốt đời.

9.21. Phương pháp nghiên cứu trong du lịch:

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Giải thích được các khái niệm về NCKH.
- So sánh được các PPNC khác nhau.
- Chọn lọc được những phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp vào từng mục đích nghiên cứu khác nhau.
- Áp dụng được các bước, quy trình NCKH để thực hiện được một vấn đề cần nghiên cứu trong QTKD DL-KS-SK

- Thiết lập được quy trình nghiên cứu.
- Kết hợp được các phương pháp nghiên cứu khác nhau trong thực hiện một NCKH.
- Đề ra được các kiến nghị, giải pháp cho bài báo cáo khoa học.
- Thói quen và tính chủ động trong học tập, quan sát các hiện tượng, tình huống trong cuộc sống và công việc.

9.22. *Hành vi khách du lịch:*

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp cho người học:

- Xác định và thảo luận về hành vi khách hàng và mối quan hệ giữa hành vi khách hàng và chiến lược tiếp thị của doanh nghiệp.
- Nhận biết, suy luận và xây dựng các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng bao gồm: tâm lý, cá nhân, xã hội, văn hóa.
- Thảo luận và thực hành các kiến thức về tính chất của thái độ cá nhân và giá quá trình ra quyết định của khách hàng để thuyết phục khách hàng.
- Xác định và thẩm định quá trình mua và lựa chọn của khách hàng nhằm đề xuất các chiến lược cho doanh nghiệp để thu hút khách hàng.
- Hình thành và áp dụng các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống.
- Xây dựng và khai thác các kỹ năng nhận biết tính chất khách hàng. Phát triển các kỹ năng quan sát, phân tích và đánh giá để nhận biết thái độ, tâm lý và nhu cầu của khách hàng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi và quyết định mua của khách hàng nhằm thu hút khách hàng.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm.

9.23. *Địa lý du lịch Việt Nam:*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhận diện cơ bản về các kiến thức địa lý du lịch theo đặc thù của từng địa phương.
- Tổng hợp giá trị tiềm năng nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên tại các vùng miền địa phương.
- Liên kết với các loại hình tài nguyên khác làm kiến thức nền tảng cho các môn chuyên ngành.
- Phát triển kỹ năng thu thập thông tin và đặt chế độ cập nhật kiến thức cho bản thân.
- Phối hợp cùng tài nguyên du lịch nhân văn để phục vụ các hoạt động của du lịch lữ hành.
- Thể hiện quan điểm khai thác bền vững tài nguyên du lịch.

9.24. *Tiếng Anh du lịch I*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhớ các thuật ngữ và khái niệm tiếng Anh thông dụng nhất trong ngành du lịch, trong hoạt động giao tiếp với khách du lịch ở ngữ cảnh du lịch.
- Biết vận dụng từ vựng, mẫu câu để sử dụng và phát triển kiến thức về văn phạm, cấu trúc câu trong ngành du lịch.
- Sử dụng kỹ năng nghe qua các chủ đề trong ngành du lịch, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách du lịch.
- Sử dụng kỹ năng nói qua các chủ đề trong ngành du lịch, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách du lịch.
- Sử dụng kỹ năng đọc các chủ đề ngành du lịch như đọc nhanh lấy ý chính, những cụm từ chuyên ngành du lịch.
- Sử dụng kỹ năng viết như vận dụng từ vựng mới làm thành câu, viết thành đoạn văn đơn giản theo chủ đề du lịch.
- Có ý thức tự học và tự nghiên cứu, có năng lực thực hiện công việc, thảo luận trong nhóm và tại nơi làm việc.

9.25. Tiếng Anh du lịch 2:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhớ các thuật ngữ và khái niệm tiếng Anh thông dụng nhất trong ngành du lịch, trong hoạt động giao tiếp với khách du lịch ở ngữ cảnh du lịch.
- Biết vận dụng từ vựng, mẫu câu để sử dụng và phát triển kiến thức về văn phạm, cấu trúc câu trong ngành du lịch.
- Sử dụng kỹ năng nghe qua các chủ đề trong ngành du lịch, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách du lịch.
- Sử dụng kỹ năng nói qua các chủ đề trong ngành du lịch, và vận dụng tại nơi làm việc và giao tiếp với khách du lịch.
- Sử dụng kỹ năng đọc hiểu các chủ đề ngành du lịch như đọc nhanh lấy ý chính, những cụm từ chuyên ngành du lịch.
- Sử dụng kỹ năng viết như vận dụng từ vựng mới làm thành câu, viết thành đoạn văn đơn giản theo chủ đề du lịch, viết được email, báo cáo, hành trình tham quan của 1 tour du lịch, viết biên bản cuộc họp.
- Duy trì thái độ tự học và tự nghiên cứu, phối hợp tốt trong công việc theo cặp, trong nhóm, và tại nơi làm việc.

9.26. Di sản và quản lý di sản tại Việt Nam:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được hệ thống các khái niệm, giá trị liên quan đến di sản.

- Hiểu được cơ sở, tiêu chí và cách thức phân loại di sản.
- Miêu tả, trình bày các nội dung liên quan đến các di sản tại Việt Nam.
- Vận dụng kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn để khai thác hiệu quả trong việc xây dựng và phát triển du lịch Việt Nam.
- Tôn trọng các nguyên tắc về bảo tồn di sản và những quy định pháp luật về việc bảo tồn, phát huy và quản lý di sản tại Việt Nam.

9.27. *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch:*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhận định những năng lực và phẩm chất cần có của hướng dẫn viên du lịch qua các tình huống thực tế.
- Minh họa bằng sơ đồ qui trình hoạt động hướng dẫn tham quan du lịch của một chương trình tour cụ thể.
- Xác định mối quan hệ bền chặt với khách hàng bên trong và khách hàng bên ngoài, các đối tác trong quá trình thực hiện một chương trình du lịch với vai trò là một người hướng dẫn du lịch.
- Soạn thảo kịch bản chương trình tham quan du lịch inbound, outbound hay nội địa cụ thể hay bài giới thiệu, bài thuyết minh.
- Sử dụng thành thạo kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng hoạt náo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng giải quyết vấn đề khi tác nghiệp nghề hướng dẫn viên du lịch.
- Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và thái độ học tập nghiêm túc suốt đời.

9.28. *Tuyển điểm du lịch Việt Nam 1:*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Khái quát về vùng du lịch Nam bộ, Tây Nguyên; nhận diện tuyến du lịch trên bản đồ du lịch Việt Nam.
- Giới thiệu những tuyến du lịch thuộc vùng, biết các chuyên đề thuyết minh và điểm đến du lịch chính trên mỗi tuyến.
- Sắp xếp hợp lý các chuyên đề thuyết minh, điểm đến du lịch theo từng cung đường cụ thể.
- Tổng hợp kiến thức, cập nhật thông tin phục vụ cho nội dung của chuyên đề thuyết minh tuyến và chuyên đề thuyết minh điểm.
- Thực hiện thuyết minh các chuyên đề trên tuyến và các điểm đến du lịch.
- Thiết kế, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình du lịch.
- Phân tích, đánh giá tính hợp lý về tuyến tham quan và dịch vụ của một chương trình du lịch.

- Thể hiện trách nhiệm của người làm du lịch ở mọi vị trí.
- Có ý thức về bảo vệ tài nguyên góp phần phát triển du lịch bền vững.

9.29. Tuyển điểm du lịch Việt Nam 2:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Khái quát về vùng du lịch Trung bộ và Bắc bộ; nhận diện tuyến du lịch trên bản đồ du lịch Việt Nam.
- Giới thiệu những tuyến du lịch thuộc vùng, biết các chuyên đề thuyết minh và điểm đến du lịch chính trên mỗi tuyến.
- Sắp xếp hợp lý các chuyên đề thuyết minh, điểm đến du lịch theo từng cung đường cụ thể.
- Tổng hợp kiến thức, cập nhật thông tin phục vụ cho nội dung của chuyên đề thuyết minh tuyến và chuyên đề thuyết minh điểm.
- Thực hiện thuyết minh các chuyên đề trên tuyến và các điểm đến du lịch.
- Thiết kế, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình du lịch.
- Phân tích, đánh giá tính hợp lý về tuyến tham quan và dịch vụ của một chương trình du lịch.
- Thể hiện trách nhiệm của người làm du lịch ở mọi vị trí, ý thức bảo vệ tài nguyên góp phần phát triển du lịch bền vững.

9.30. Quản trị Du lịch MICE:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Chỉ ra các thành phần liên quan đến du lịch MICE.
- Xác định tính đặc thù của loại hình du lịch MICE.
- Phân tích được vai trò của MICE đối với hoạt động kinh doanh du lịch.
- Phân tích thị trường, tổ chức bán sản phẩm du lịch MICE cho khách du lịch.
- Đánh giá các chính sách trong tiếp thị sản phẩm du lịch MICE
- Xây dựng kế hoạch sự kiện MICE; Điều phối viên MICE; Truyền thông sự kiện MICE; Tổ chức và Quản lý sự kiện MICE.
- Ý thức tổ chức và quản lý; tinh thần phối hợp giữa các bộ phận, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

9.31. Quản trị rủi ro trong du lịch

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Hiểu rõ các khái niệm rủi ro trong du lịch, bao gồm lĩnh vực lữ hành và các dịch vụ đi kèm và tài nguyên liên quan.
- Trình bày được khái niệm quản trị rủi ro trong du lịch, các nguyên tắc quản trị, quy trình và công cụ quản trị rủi ro.

- Nhận dạng, phân loại rủi ro, khủng hoảng, thảm họa trong lĩnh vực lữ hành và đối tượng liên quan.
- Đánh giá thiệt hại của rủi ro, khủng hoảng, thảm họa trong lĩnh vực lữ hành và các đối tượng liên quan.
- Vận dụng các phương pháp, quy trình để khắc phục thiệt hại và quản trị rủi ro trong lữ hành và các đối tượng liên quan.
- Dự báo các tình huống, đưa ra các kế hoạch dự phòng, áp dụng các quy trình và biện pháp để quản trị rủi ro trong công việc và ứng dụng trong cuộc sống.
- Vai trò trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cá nhân hoạt động du lịch trong quản trị rủi ro.

9.32. *Quản trị điểm đến:*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được tính cạnh tranh của điểm đến để rà soát điểm đến du lịch;
- Phân tích lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của các thành phần cấu thành một điểm đến du lịch;
- Sử dụng tài nguyên trong việc nâng cao tính cạnh tranh của điểm đến du lịch;
- Phân tích vai trò và tầm quan trọng của các cơ quan quản lý điểm đến trong sự phát triển bền vững của một điểm đến cạnh tranh;
- Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện để phân tích các vấn đề trong quản lý điểm đến du lịch;
- Tăng cường tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự học hỏi nghiên cứu và đạo đức nghề nghiệp.

9.33. *Quản trị nhân sự trong du lịch:*

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Ghi nhớ và thảo luận về khái niệm quản trị nguồn nhân lực, đặc biệt trong ngành du lịch.
- Nhận biết, xây dựng và đánh giá các yếu tố tác động đến văn hóa (môi trường bên trong) của tổ chức và thị trường lao động (môi trường bên ngoài); mối liên hệ của chúng đến quá trình quản trị nguồn nhân lực.
- Xem xét, áp dụng, và tranh luận về các quá trình liên quan đến quản trị nguồn nhân lực như: tuyển dụng, quản lý sự đa dạng, đào tạo, quản lý hiệu suất lao động, khen thưởng.
- Xây dựng và thẩm định mối liên hệ giữa nhân viên và sự tham gia của nhân viên trong công việc.
- Hình thành và áp dụng các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống.

- Xây dựng và áp dụng các kỹ năng quản trị để quản lý nguồn nhân lực hiệu quả nhằm đạt được nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng, và mục tiêu của tổ chức.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm.

9.34. Nghiệp vụ lữ hành:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Hiểu những kiến thức cơ bản làm nền tảng để thiết kế chương trình du lịch.
- Phân tích được vai trò các loại hình sản phẩm nội địa, inbound và outbound trong doanh nghiệp lữ hành.
- Nhận diện các dịch vụ du lịch và tiện nghi cần thiết để ứng dụng thiết kế chương trình du lịch hợp lý và khả thi.
- Áp dụng những thông tin và giá thành thực tế từ các nhà cung cấp để tính giá chương trình du lịch.
- Phát triển sản phẩm mang tính cạnh tranh phục vụ cho nhu cầu tiếp thị hoặc nhu cầu trực tiếp từ du khách.
- Thể hiện trách nhiệm đối với công việc và xã hội.
- Ý thức bảo vệ tài nguyên du lịch và phát triển bền vững.

9.35. Kinh doanh du lịch và lữ hành:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Liệt kê và mô tả các bước liên quan đến việc phân khúc thị trường và ba loại kênh phân phối khác nhau được sử dụng cho các dịch vụ du lịch.
- Liệt kê các khía cạnh quan trọng của bảo đảm dịch vụ và cách thức công nghệ có thể nâng cao dịch vụ khách hàng.
- Giải thích tầm quan trọng của nhịp điệu, thời gian và dòng chảy trong hoạt động dịch vụ ăn uống và mô tả phân loại sản phẩm chính của cơ sở lưu trú.
- Mô tả các loại điểm tham quan thu hút thương mại chính.
- Vận dụng kiến thức tổng hợp về du lịch lữ hành để thiết kế sản phẩm tour du lịch và tổ chức thực hiện hoạt động của doanh nghiệp du lịch lữ hành.
- Thể hiện trách nhiệm và tôn trọng các qui định trong việc học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm.

9.36. Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Mô tả chất lượng dịch vụ và giá trị dịch vụ trong lĩnh vực du lịch và những yếu tố căn bản

để lên kế hoạch và thiết kế trải nghiệm của khách hàng.

- Nhận biết ba chiến lược chung để định vị sản phẩm và dịch vụ; cách thức làm gia tăng dịch vụ khách hàng qua việc trao quyền cho nhân viên.
- Nhận định việc đồng tạo ra giá trị của khách đối với sản phẩm dịch vụ.
- Thực hiện cung cấp thông tin liên quan đến những yếu tố trải nghiệm của khách hàng.
- Thực hiện đo lường và quản lý hiệu quả việc cung cấp dịch vụ và trải nghiệm tổng thể của khách du lịch.
- Đề ra phương án khắc phục khi trải nghiệm của khách không đáp ứng được mong đợi.
- Thể hiện trách nhiệm và tôn trọng các qui định trong việc học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm.

9.37. Quản trị tài chính trong kinh doanh du lịch:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhận biết và phát triển các kiến thức và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính đối với doanh nghiệp. Từ đó, tổng hợp và xây dựng báo cáo tài chính quan trọng cho quá trình quản lý và phát triển của doanh nghiệp.
- Làm rõ và áp dụng các phương pháp nhằm thẩm định và đưa ra quyết định đầu tư hợp lý cho doanh nghiệp.
- Lĩnh hội và khai thác các nguồn tài chính để tạo nên một hệ thống tài chính dài hạn hiệu quả cho doanh nghiệp thông qua tận dụng các loại vốn của doanh nghiệp như cơ cấu vốn, chi phí vốn, vốn lưu động.
- Xác định và quản lý giá trị cổ đông phục vụ cho sự tăng trưởng doanh nghiệp.
- Hình thành và áp dụng các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, phân tích dữ liệu, đánh giá vấn đề, giải quyết tình huống.
- Xây dựng và ứng dụng thành thực các kỹ năng tài chính cũng như các phương pháp để hình thành, thẩm định, và áp dụng các hoạt động tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đạt được lợi ích tài chính hiệu quả.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc và tập trung xuyên suốt quá trình học và làm việc nhóm.

9.38. Đổi mới và khởi nghiệp:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Giải thích tiến trình đổi mới trong một bối cảnh cụ thể.
- Nhận thức vai trò của tri thức và học tập với đổi mới.
- Ứng dụng các mô hình quản lý sự đổi mới vào trong một bối cảnh cụ thể.
- Xây dựng mới hoặc phát triển các hệ thống hiện hành để gia tăng hiệu suất.

- Đề xuất các mô hình vườn ươm đổi mới & khởi nghiệp.
- Xây dựng qui trình đổi mới vào công việc trong những bối cảnh cụ thể.
- Chứng minh đổi mới trong học tập và cuộc sống mọi lúc, mọi nơi.

9.39. Quản trị chiến lược kinh doanh du lịch:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Mô tả được các khái niệm, cấp độ, dạng thức thể hiện của mục tiêu trong chiến lược.
- Đánh giá được các bối cảnh của tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.
- Phân tích được sự tác động của các yếu tố từ môi trường vào hoạt động và hiệu suất một tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.
- Phát triển được các bộ chiến lược cạnh tranh và định hướng trong bối cảnh ngành THE.
- Chọn được chiến lược phù hợp cho một tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.
- Tổ chức triển khai được chiến lược cho một tổ chức/doanh nghiệp THE cụ thể.
- Phát triển được các công cụ đánh giá và đo lường hiệu suất của các chiến lược.
- Ứng dụng kỹ thuật phân tích, định trọng số nhân tố tác động và xây dựng ma trận SWOT
- Hành động kiên định, nhất quán nhưng linh hoạt ứng phó với những hoàn cảnh không mong đợi. Rèn luyện bản lĩnh không bỏ cuộc.

9.40. Kỹ năng thuyết trình:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Mô tả được kiến thức tổng quát của đề tài thuyết trình liên quan đến du lịch lữ hành.
- Xây dựng qui trình và kịch bản cho bài thuyết trình phối hợp nguồn nhân lực thực hiện bài thuyết trình.
- Sử dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện và công cụ hỗ trợ khi thuyết trình.
- Thể hiện ý thức trách nhiệm đối với công việc được phân công và làm việc nhóm, có thái độ học tập nghiêm túc.

9.41. Kỹ năng đàm phán:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về đàm phán, trình bày những phương pháp đàm phán.
- Xác định quy trình đàm phán cho từng trường hợp cụ thể trong lĩnh vực lữ hành.
- Phân tích tâm lý trong giao dịch đàm phán, lý giải các nguyên tắc giao tiếp trong đàm phán, xử lý tình huống trong đàm phán.
- Thiết lập những nguyên tắc dẫn đến thành công trong đàm phán.

- Tổ chức thực hiện giao dịch, đàm phán với đối tác trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành.
- Thể hiện trách nhiệm trong tiếp thu kiến thức và việc được phân công trong nhóm đàm phán.

9.42. Kỹ năng hoạt náo và Teambuilding:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhận định được tầm quan trọng của tổ chức sinh hoạt tập thể, tổ chức các trò chơi trong hoạt động lữ hành nói chung và trong công tác của hướng dẫn viên nói riêng
- Thay đổi những trò chơi phù hợp với đối tượng khách hàng và môi trường hoạt náo cụ thể
- Tạo ra kịch bản tổ chức chương trình gala, teambuilding...
- Sử dụng các trò chơi phù hợp với từng môi trường hoạt náo, làm chủ bầu không khí và xây dựng tinh thần đội, nhóm, xử lý các tình huống trong quá trình tổ chức hoạt náo.
- Quan tâm đến các đối tượng khách du lịch.
- Nhiệt tình khi tổ chức và tham gia các hoạt động hoạt náo, tự tin thể hiện các năng khiếu thể mạnh của bản thân.

9.43. Kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Nhận định được tầm quan trọng của tổ chức công việc cho bộ phận và cá nhân.
- Xây dựng nhóm để làm việc hiệu quả.
- Đề ra kế hoạch của nhóm và tổ chức công việc.
- Liên kết các công cụ hỗ trợ để tổ chức công việc cá nhân, bộ phận và làm việc nhóm hiệu quả.
- Quan tâm đến các thành viên trong nhóm.
- Nhiệt tình giúp đỡ thành viên gặp khó khăn trong nhóm để cùng nhau hoàn thành mục tiêu của nhóm.

9.44. Kỹ năng quản lý thời gian:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Giải thích tầm quan trọng của quản lý thời gian.
- Nhận diện thói quen gây ra lãng phí thời gian.
- Áp dụng các công cụ hỗ trợ để sử dụng thời gian hiệu quả.
- Thiết lập mục tiêu dài hạn theo kế hoạch thời gian một cách hợp lý khoa học.
- Sửa đổi thói quen trì hoãn công việc của bản thân.
- Thể hiện sự chủ động về thời gian một cách có trách nhiệm trong công việc của bản thân và mọi người.

9.45. Kỹ năng tư duy phân biện:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Phân biệt các hình thức của tư duy và các vấn đề logic căn bản. Vận dụng các kiến thức về tư duy phân biện ở các khía cạnh và góc độ khác nhau của các vấn đề về tri thức, khoa học xã hội, pháp luật, văn hóa, nghệ thuật, kinh tế, đạo đức, chính trị để hình thành nhân sinh quan tích cực trong cuộc sống và công việc.
- Bình luận và xây dựng các lập luận quy nạp và suy diễn trong các hình thức nói, viết và sử dụng ngôn từ chính xác, lập luận vững chắc, trình tự mạch lạc, dẫn chứng xác thực.
- Đánh giá và lập luận để biện minh cho cách nhìn và giải quyết vấn đề dựa trên những kiến thức, thông tin và quan điểm đa chiều đã được tham khảo, tổng hợp và chọn lọc.
- Duy trì thái độ học tập tự giác và độc lập khi đưa quyết định. Có ý thức bảo vệ tài sản, giá trị của bản thân và của những người khác.

9.46. Lễ tân ngoại giao:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Khai thác các đặc điểm, tính chất và nguyên tắc của lễ tân ngoại giao trong hoạt động du lịch.
- Vận dụng các nguyên tắc miễn trừ của lễ tân ngoại giao trong bối cảnh cụ thể.
- Tùy chỉnh các nguyên tắc qui chuẩn về ngôi thứ trong khi bố trí vị trí các đối tượng trong các bối cảnh cụ thể.
- Phát triển các qui tắc, nghi lễ đón tiếp ngoại giao trong một bối cảnh cụ thể.
- Tổ chức triển khai một qui trình tiệc lễ tân ngoại giao trong môi trường làm việc cụ thể.
- Hòa hợp để thể hiện sự tôn trọng, hiếu khách nhưng bảo vệ hình ảnh, vị thế của bản thân và đất nước trong công việc và cuộc sống.

9.47. Tour thực tập 1 – Miền Tây:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Phân biệt được các điểm đặc trưng về tài nguyên và dịch vụ của vùng ĐBSCL.
- Tổng hợp các yếu tố cấu thành sản phẩm du lịch.
- Báo cáo được các hoạt động kinh doanh du lịch, hướng dẫn du lịch.
- Phối hợp các nguồn lực vào quy trình tổ chức chương trình du lịch.
- Phát biểu có hệ thống chất lượng các dịch vụ du lịch trong chương trình tour.
- Đề ra các hoạt động khảo sát thực tế.
- Ý thức tôn trọng các giá trị tài nguyên du lịch.
- Nhắc nhở tinh thần đoàn kết, tự học hỏi nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

9.48. Tour thực tập 2 – Di sản văn hóa miền Trung và Tây nguyên:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Phân biệt được các điểm đặc trưng về tài nguyên và dịch vụ của vùng Tây Nguyên – Miền Trung.
- Tổng hợp các yếu tố cấu thành sản phẩm du lịch.
- Báo cáo được các hoạt động kinh doanh du lịch, hướng dẫn du lịch.
- Phối hợp các nguồn lực vào quy trình tổ chức chương trình du lịch.
- Phát biểu có hệ thống chất lượng các dịch vụ du lịch trong chương trình tour.
- Đề ra các hoạt động khảo sát thực tế.
- Ý thức tôn trọng các giá trị tài nguyên du lịch.
- Nhắc nhở tinh thần đoàn kết, tự học hỏi nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

9.49. Tour thực tập 3 – Miền Bắc:

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Phân biệt được các điểm đặc trưng về tài nguyên và dịch vụ của ĐBSH, Tây Bắc, Đông Bắc.
- Tổng hợp các yếu tố cấu thành sản phẩm du lịch.
- Báo cáo được các hoạt động kinh doanh du lịch, hướng dẫn du lịch.
- Trình bày được quy trình tổ chức chương trình du lịch.
- Triển khai được chất lượng các dịch vụ du lịch trong chương trình tour.
- Tổ chức các hoạt động khảo sát thực tế.
- Ý thức tôn trọng các giá trị tài nguyên du lịch.
- Nhắc nhở tinh thần đoàn kết, tự học hỏi nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

9.50. Quản trị du lịch outbound

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp cho người học:

- Hiểu rõ các khái niệm Outbound, Inbound, Domestic và phân biệt rõ ràng tính chất của từng dạng đoàn du lịch.
- Trình bày được lịch sử văn minh, địa lý, dân tộc, văn hóa tín ngưỡng, phong tục tập quán, cơ sở hạ tầng dịch vụ của các quốc gia trong các tuyến Outbound phổ biến.
- Hiểu biết rõ ràng các quy định về xuất nhập cảnh, lưu trú, an ninh an toàn, nhân quyền, thuế quan, chính sách y tế và các vấn đề công cộng của Việt Nam và các nước trong tuyến du lịch Outbound.
- Thiết kế được sản phẩm, điều chỉnh landtour của đối tác cho phù hợp với nhu cầu khách hàng. Điều chỉnh và final dịch vụ trong chương trình Outbound.
- Thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh cho khách hàng một cách an toàn, đúng pháp luật.

- Xử lý các tình huống trong quá trình thực hiện chương trình Outbound, tuân thủ luật pháp nước sở tại và pháp luật Việt Nam.
- Truyền tải nội dung kiến thức về lịch sử, văn hóa, địa lý, phong tục tập quán của nước sở tại.
- Kịp thời phối hợp với đối tác để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng tốt nhất.
- Không vi phạm và hướng dẫn khách không vi phạm các nguyên tắc và pháp luật. Bảo vệ hình ảnh văn hóa và con người Việt Nam khi ra nước ngoài.
- Có ý thức trau dồi và học hỏi kinh nghiệm từ thế hệ đi trước để có bản lĩnh, tác phong làm việc chuyên nghiệp và lan tỏa lối sống tử tế.

9.51. Internship:

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Hiểu các học phần chuyên ngành để áp dụng vào công việc thực tế tại các doanh nghiệp lữ hành và dịch vụ du lịch.
- Phân tích loại hình hoạt động và quy trình làm việc của doanh nghiệp lữ hành.
- Đánh giá cách giải quyết tình huống của hướng dẫn viên chính để tích lũy kinh nghiệm.
- Thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ được chỉ dẫn thực tế.
- Thuần thục tác nghiệp trong môi trường có nhiều áp lực đặc thù.

Chủ động tham gia công việc nhiệt tình và trách nhiệm với tinh thần cầu tiến;

9.52. Khóa luận tốt nghiệp:

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.
- Liên kết các kỹ năng nghề nghiệp để xác định phương pháp tiếp cận phù hợp để giải quyết vấn đề, mục tiêu của khóa luận.
- Triển khai thực hiện hoàn thành bài khóa luận.
- Trình bày và phản biện bài thu hoạch trước hội đồng.
- Hành động dựa trên các cơ sở/minh chứng khoa học.

9.53. Đề án kinh doanh

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Khai thác tính liên ngành trong việc tìm kiếm ý tưởng/nhận diện các cơ hội kinh doanh du lịch.
- Phân tích các cơ hội/các giải pháp trong một bối cảnh cụ thể.
- Đánh giá tính khả thi các cơ hội/các giải pháp trong một bối cảnh cụ thể.

- Hoạch định các kế hoạch hành động nhằm tiến tới các mục tiêu của dự án.
- Thuyết trình & bảo vệ dự án trước hội đồng thẩm định.
- Phối hợp năng lực và nguồn lực (nội tại/ngoại vi) để vươn tới các mục tiêu trong học tập, công việc và cuộc sống.

9.54. *Phát triển du lịch bền vững:*

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Giải thích ý nghĩa, tác động và hạn chế của ngành công nghiệp du lịch.
- Mô tả đặc điểm, nguyên tắc, mục tiêu của du lịch bền vững, lợi ích và nhu cầu của du lịch bền vững.
- Trình bày quan điểm 3D về du lịch bền vững.
- Tổng hợp các chiến lược cho việc phát triển du lịch bền vững và các ngành dịch vụ với phương pháp tiếp cận xanh.
- Lập nên chiến lược hành động để phát triển du lịch bền vững tại một địa phương cụ thể.

Luôn có ý thức trong học tập. Giữ gìn và nhắc nhở mọi người xung quanh cùng giữ gìn vệ sinh môi trường sống.

9.55. *Chăm sóc và quản lý dịch vụ khách hàng:*

Học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, giúp cho người học:

- Liệt kê sáu thành phần chính của môi trường tập trung vào khách hàng và các chiến lược thúc đẩy văn hóa dịch vụ tích cực.
- Xác định bốn tính cách hành vi chính, vai trò của chúng trong dịch vụ khách hàng và cách ứng xử trong các tình huống khó khăn của khách hàng.
- Giải thích sáu bước của mô hình giải quyết vấn đề và giao tiếp hiệu quả với lượng khách hàng đa dạng.
- Mô tả trách nhiệm của nhà cung cấp trong việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực với khách hàng.
- Sử dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện để chăm sóc khách hàng.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và thái độ sẵn sàng phục vụ.

